TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT
Ngày: 24 - 3-2022
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Ánh

Các thẩm phán: bà Đỗ Thị Duyên.

ông Bùi Đức Thanh.

- Thư ký phiên toà: bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử số 4, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 73/2021/TLPT-DS ngày 08/12/2021 về việc *"tranh chấp quyền sử dụng đất "*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 22/10/2022 của Toà án nhân dân huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh bị ông Đỗ Trọng X là nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 03/3/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: ông Đỗ Trọng X; địa chỉ: thôn 2, xã H L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Đinh Minh Công; nơi ĐKHKTT: Đồng Chiêm, An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội; chỗ ở: Số nhà 27, ngõ 517, đường Lý Anh Tông, thị trấn Cái Rồng, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Trọng X: ông Đặng Văn M, sinh năm 1987 và ông Lê Văn H, sinh năm 1989, Luật sư Công ty luật TNHH H D; địa chỉ: tầng 3, tòa nhà số 27, Tr K, phường T H, quận C G, thành phố H N, vắng

mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn**:

+ Bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Tạ Thị M, ông Nguyễn Văn Ch; cùng địa chỉ: thôn 3, xã H L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Tạ Thị M: ông Nguyễn Văn Ch, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Ch: bà Trần Thị K Cúc – Luật sư, cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh Vi Thành N (tên gọi khác: Vi Văn N); địa chỉ: thôn 3, xã H L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Chị Phùng Thị Hoa, địa chỉ: Thôn 3, xã H L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Mạc Thị H, sinh năm 1972, địa chỉ: phố C L, phường H Q, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ UBND xã H L, huyện V Đ- người đại diện theo pháp luật: ông Châu Quốc Tuấn - chức vụ: chủ tịch UBND xã, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Văn N - chức vụ: phó chủ tịch UBND xã, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị K, địa chỉ: xóm 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: ông Đỗ Trọng X là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2018, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Đỗ Trọng X và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 1978 ông X cùng vợ là bà Nguyễn Thị K từ Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Y), tỉnh Quảng Ninh ra xã H L huyện V Đxây dựng kinh tế mới. Năm 1980 vợ chồng ông được Nhà nước bán cho một ngôi nhà cấp 4 xây bằng gạch đất 4 gian và một số công trình phụ và cây cối trên diện tích đất 980 m^2, nhưng thực tế vợ chồng

ông lúc đó quản lý và sử dụng toàn bộ khu đất có chiều dài 81m, kể từ mép đường 334 kéo xuống. Vị trí thửa đất như sau: phía Bắc giáp đường 334, phía Nam giáp khe cạn, phía Tây giáp đường ngõ xóm dài 81m, phía Đông giáp khe cạn. Năm 1981 ông X và bà K ly hôn và đã chia đôi toàn bộ tài sản, sau đó bà K đã bán lại toàn bộ tài sản mà bà K được chia cho ông X. Gia đình ông quản lý và sử dụng đến năm 1993 thì căn nhà bị đổ. Sau đó ông đi làm kinh tế đến năm 1996, khi về làm nhà thì bị ông Chung Thế H lấn chiếm. Ông đã khởi kiện ông H để đòi lại đất và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên buộc ông H phải trả lại đất cho ông vào tháng 10/1996, nhưng mãi đến năm 2001 ông H mới trả lại đất cho ông. Năm 2002 ông làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin cấp một phần diện tích phía trên bám mặt đường 334, còn diện tích đất phía sau có chiều dài 46 m ông vẫn quản lý, sử dụng để trồng cây cối. Đến ngày 08/02/2002 ông được UBND huyện V Đ cấp giấy CNQSDĐ số 771 với diện tích 1.225m^2. Sau đó ông chuyển nhượng cho ông Trần Văn Lợi, diện tích phía sau ông để lại trồng cây cối. Năm 2013 ông phát hiện ông Nguyễn Văn Ch và ông Vi Văn N tự ý lấn chiếm và làm nhà tạm vào phần đất của ông cụ thể: ông Ch lấn chiếm 365,85 m^2 đất; ông Vi Văn N (Vi Thành N) lấn chiếm 1.126,75m^2 đất. Ông đã có ý kiến với ông Ch, ông N và trình báo Ủy ban nhân dân xã H L nhưng ông Ch, ông N vẫn không trả lại đất cho ông.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông X cho rằng, ngoài diện tích đất ông X và bà K được cấp, năm 1981 ông X còn mua thêm 01 căn nhà nằm trên diện tích đất đang tranh chấp hiện nay, theo phiếu thu ngân sách xã số 196 ngày 30/12/1981.

Ủy ban nhân dân xã H L đã tổ chức 3 lần hòa giải vào các ngày 19/12/2017, ngày 17/01/2018 và ngày 09/02/2018 nhưng ông Ch và ông N vẫn không trả đất cho ông, nay ông X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc hộ gia đình ông Ch, bà L, anh H, chị M phải tháo dỡ công trình xây trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích 365,85 m2 đất tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ cho ông X.

- Buộc hộ gia đình ông Vi Văn N và bà Phùng Thị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm trả lại diện tích 1.126,75 m^2 đất tại thôn 3, xã H L huyện V Đ cho ông X.

* Tại bản tự khai ngày 22/6/2018, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, bị đơn là ông Nguyễn Văn Ch, và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Tháng 2/2000, ông Ch khai phá một mảnh đất rộng khoảng hơn 500m^2 tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ, vị trí ở sát cạnh nhà ông hiện đang sinh sống, để làm vườn trồng rau màu. Cuối năm 2000 ông Đỗ Trọng X có đến tháo dỡ rào của ông, nói là ông đã lấn chiếm một phần đất của ông X và chỉ cho ông phần đất mà ông đã lấn chiếm. Ông tiếp tục rào mảnh đất đó lại theo ranh giới mà ông X đã chỉ. Một thời gian sau ông X lại tự tháo dỡ phần đất mà ông đã rào, rồi kè đá xây gạch lên một phần đất mà ông đang sử dụng, sau đó ông X bán phần đất phía trên cho người khác, phần đất phía dưới, tiếp giáp với kè đá và tường gạch, là đất do ông đang sử dụng và không có ai tranh chấp với ai nữa.

Năm 2002, ông Ch có xin làm thủ tục cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất trên mảnh đất đó. Nhưng do yêu cầu của các cấp giải quyết đòi lệ phí quá cao nên ông không có đủ tiền để làm thủ tục cấp sổ.

Qua tìm hiểu những người đã từng sống nhiều năm tại thôn 3, xã H L. Ông được biết mảnh đất ông đang sử dụng, trước đó là của ông Hoàng Đạo K, đã được Nhà nước cấp cho năm 1980, ông K đã làm nhà và sinh sống trên mảnh đất đó hơn mười năm rồi chuyển gia đình đi nơi khác.

Tháng 10/2012 vì gia đình đông con, ông có xây một ngôi nhà cấp 4 hai gian trên mảnh đất đó cho con trai ông là Nguyễn Văn H và con dâu là Tạ Thị M ra ở riêng. Năm 2014, ông X lại đến nói là mảnh đất đó là của ông X và UBND xã H L có mời ông lên để hòa giải cùng ông X ba lần nhưng không thành. Vì ông X không chứng minh được mảnh đất đó là của ông X.

Do đất đang tranh chấp không phải đất của ông X, nên việc ông X yêu cầu gia đình ông trả lại diện tích 365,85 m^2 đất tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ cho ông X là không có căn cứ, ông không chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Tạ Thị M – ông Nguyễn Văn Ch có lời khai như nội dung lời khai của ông Ch tại phần trên và có quan điểm: đất đang tranh chấp không phải đất của ông X, nên việc ông X yêu cầu gia đình ông trả lại diện tích 365,85 m^2 đất tại thôn 3, xã H L, huyện V Đcho ông X là không có căn cứ, ông không chấp nhận.

*** Tại bản tự khai ngày 28/3/2018, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Vi Thành N trình bày:**

Năm 1997 anh cùng vợ là chị Phùng Thị H và gia đình từ huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh chuyển đến cư trú tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ. Do thời điểm anh chị chưa nhập được hộ khẩu tại huyện V Đ, nên năm 2002 và 2003 anh chị có nhờ em dâu là Mạc Thị H, lúc đó là giáo viên trường tiểu học xã H L, vì em dâu có hộ khẩu tại V Đ, để chị H đến mua ruộng canh tác của của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và vợ là Chu Thị S trú tại thôn 3, xã H L, hộ bà Nguyễn Thị K tại thôn 1, xã H L và bà Nguyễn Thị H tại thôn 1, xã H L.

Diện tích 3 thửa ruộng của 3 hộ liền kề nhau có tổng diện tích khoảng 1000 m^2 tại khu vực khe Cam (thường gọi là khe ông Út), phía Đông có giáp bờ khe gần hộ gia đình bà Nhi, chị H, chị H. Phía Tây giáp hộ bà L, hộ ông X. Ngay sau khi mua ruộng phần diện tích phía dưới vợ chồng anh chị đào ao (đất của bà Hạnh, bà Khương) để lấy đất đổ lên diện tích đất của hộ anh Q, chị S để canh tác trồng rau màu. Đến năm 2004, vợ chồng anh chị xây dựng căn nhà tạm lợp tranh để ở. Năm 2012 vợ chồng anh chị tháo dỡ căn nhà tạm để xây dựng căn nhà kiên cố ở cho đến nay. Trong suốt quá trình quản lý sử dụng đất, xây dựng nhà và canh tác không có tranh chấp gì với ai về đất của anh chị đang sử dụng. Đến năm 2018, anh chị được UBND xã H L mời đến trụ sở Ủy ban xã để hòa giải, về việc ông Đỗ Trọng X tranh chấp quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích đất mà vợ chồng anh chị đang sử dụng. Tại buổi hòa giải ông Đỗ Trọng X không có chứng cứ gì xác định diện tích đất anh chị đang sử dụng là thuộc quyền sở hữu của ông X nên anh chị không chấp nhận yêu cầu của ông X.

Theo anh được biết, trước đây vợ chồng ông X và bà K có mua tài sản đất 49 nhưng thuộc phần đất phía trên sát đến bờ khe, không nằm vào diện tích đất mà gia đình anh đang sử dụng. Từ khi anh chị chuyển đến thôn 3, xã H L cư trú và sinh sống, lúc đó gia đình ông X không còn ai sinh sống ở đó nữa, vấn để này những hộ dân sinh sống gần đó từ rất lâu đều biết. Như vậy toàn bộ diện tích đất này anh chị đang quản lý và sử dụng không phải quyền sử dụng hợp pháp của ông X nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X.

Bị đơn, chị Phùng Thị H có lời khai đồng ý với lời khai của anh Vi Thành N và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Chị Mạc Thị H khai: Năm 1990 chị theo bố mẹ chuyển từ huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đến cư trú sinh sống tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ. Năm 1997 anh chị chồng là Vi Thành N và Phùng Thị H chuyển từ huyện Đông Triều xuống ở cùng vợ chồng chị. Năm 2002, 2003 chị có mua hộ vợ chồng anh N , chị H 03 thửa ruộng tại khu vực khe ông Út, thuộc thôn 3, xã H L, giáp chỗ vợ chồng chị đang sinh sống, vì lúc đó vợ chồng anh N chị H chưa có hộ khẩu tại V Đ, nên nhờ chị mua 03 thửa ruộng của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Chu Thị S trú tại thôn 3, xã H L, bà Khương và bà Nguyễn Thị H trú tại thôn 1, xã H L. Diện tích 03 thửa ruộng của những người trên liền kề nhau, có tổng diện tích khoảng trên 1000 m2 tại khu vực khe Cạn (thường gọi là khe ông Út), phía Đông giáp bờ khe gần hộ bà Ninh, gia đình chị H , chị H, chị H, phía Tây giáp bờ khe gần hộ bà L , ông X.

Ngay sau khi mua diện tích ruộng của những người trên, anh N chị H cải tạo toàn bộ phần diện tích mua của bà H, bà K để đào ao, phần đất đào ao chuyển lên diện tích đất mua của anh Quyên, chị Sinh để làm vườn trồng trọt.

Đến năm 2004 vợ chồng anh N chị H xây dựng căn nhà tạm lợp tranh trên phần diện tích đất này để ở. Năm 2012 anh N chị H tháo dỡ toàn bộ căn nhà tạm để xây dựng căn nhà 2 tầng ở cho đến nay.

Kể từ khi chị xuống sinh sống ở V Đ, ông Đỗ Trọng X không sống tại thôn 3, xã H L mà ông X đã chuyển đi cư trú ở nơi khác trước đó từ lâu. Suốt từ khi chị mua đất cho anh chị chồng, trong thời gian anh chị chồng sử dụng diện tích đất đó, không có ai tranh chấp.

Đầu năm 2018 ông X có đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, đối với toàn bộ diện tích vợ chồng anh N chị H đang sử dụng, ông X cho rằng đó là diện tích đất của ông X, chị thấy yêu cầu của ông X không có cơ sở bởi:

- Toàn bộ phần diện tích đất anh N, chị H đang sử dụng thuộc lòng Khe Cạn (gọi là khe ông Út) diện tích đất này trước đó đã được hộ bà Khương, bà Hạnh, anh Quyên cải tạo trồng lúa, trồng Hmàu.

- Trên diện tích đất anh N, chị H đang sử dụng không có cây cối hoặc không có công trình xây dựng gì của ông X nằm trên diện tích đất này.

Như vậy chị khẳng định phần diện tích đất anh N, chị H đang sử dụng và có tranh chấp với ông X, là toàn bộ diện tích đất ruộng chị đã mua hộ cho anh chị chồng

của ba gia đình vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Chu Thị S trú tại thôn 3, xã H L, bà Khương, bà Nguyễn Thị H đều trú tại thôn 1, xã H L, không phải đất của ông Đỗ Trọng X.

Do chị mua ruộng hộ anh chị chồng, vì vậy chị không có yêu cầu gì đối với anh N , chị H khi anh N , chị H quản lý, sử dụng thửa đất này.

* Người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch UBND xã H L, huyện V Đlà ông Dương Văn Ninh có quan điểm:

Khi sự kiện biên giới phía Bắc diễn ra, năm 1980 có một bộ phận người dân ở Móng Cái chuyển vào xã H L sinh sống, tập trung tại khu vực thôn 1, 2 ,3. Khi vào đến xã H L, HTX họp và phân đất cho xã viên theo hình thức bốc ô đất. Khu vực phía sau nhà ông Đỗ Trọng X, bà Nguyễn Thị K mua thanh lý tài sản do người Hvề nước để lại theo chỉ thị 49 của UBND tỉnh, được HTX phân cho 06 hộ xã viên gồm: hộ ông Hoàng Đạo K, hộ ông Nguyễn Đình Phúc, hộ bà Phạm Thị Then, hộ ông Bùi Văn Thiệp, hộ bà Bùi Thị L , hộ ông Nguyễn Tất Thọ. Đến khoảng năm 1985 -1990 do không quen với tập quán canh tác và nghèo đói, nên một số hộ bỏ về quê cũ hoặc trốn đi nước ngoài, khu vực đất này chỉ còn lại nhà bà Bùi Thị L , số đất HTX cấp cho 05 hộ trước đó bị bỏ hoang.

Năm 2000 hộ ông Nguyễn Văn Ch phát cây, dọn cỏ để trồng rau màu, đến năm 2011 thì cho con trai là Nguyễn Văn H làm nhà. Quá trình sử dụng đất từ năm 2000 đến nay hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch (anh Nguyễn Văn H là con đang sinh sống) chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.

Năm 2001 hộ ông Vi Thành N phát cây, dọn cỏ để trồng rau màu đến năm 2003 làm 01 căn nhà tạm để ở và tiếp tục trồng rau màu, đến năm 2012 căn nhà tạm bị hư hỏng thì xây dựng nhà ở kiên cố cho đến nay. Quá trình sử dụng đất hộ anh Vi Thành N không thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước.

Căn cứ Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013, trong trường hợp đất đai không có tranh chấp, nếu 02 hộ ông Nguyễn Văn Ch và anh Vi Thành N có đơn xin cấp GCNQSDĐ, thì có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Khi các bên xảy ra tranh chấp, UBND xã H L đã tổ chức nhiều buổi hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành, các bên tiếp tục tranh chấp và ông Đỗ Trọng X đã khởi kiện tại Tòa án.

* Bà Nguyễn Thị K trình bày:

Trước đây bà và ông X là vợ chồng. Ngày 11/10/1980 bà và ông X ly hôn. Sau khi ly hôn bà vẫn ở nhà được Tòa án chia, nhưng ông X gây khó khăn nên bà phải bỏ về quê ở Liên Hòa, Yên Hưng, Quảng Ninh, sau đó bà chuyển ra xã Sông Khoai, thị xã Quảng Y, tỉnh Quảng Ninh, sinh sống cho đến nay.

Khi bà và ông X từ Liên Vị, Yên Hưng ra xã H L, huyện V Đ vào ngày 08/5/1978 (bà chỉ nhớ ngày tháng âm lịch). Đến ngày 01/11/1979 theo chỉ thị 49 thanh lý tài sản 49, ông bà được giao đất. Vị trí đất ông bà được giao tại thôn 3, xã H L. Khi giao đất, UBND xã H L không giao cụ thể đất có diện tích bao nhiêu, không có ranh giới mốc giới. Theo bà nhớ thì đất mà bà và ông X được giao có vị trí: phía Bắc là mặt đường 334, phía Tây là ngõ xóm đi xuống, phía Đông là khe nước chảy, phía Nam giáp cánh đồng, xung quanh chỉ có cây cối, trên đất được giao có 02 nhà, bao gồm 01 nhà lợp ngói, tường đất, 3 gian, 2 trái, 01 trái lợp cỏ, một trái lợp ngói và 01 nhà bếp lợp cỏ không thể sử dụng được. Sau khi bà và ông X ly hôn, đến ngày 15/12/1980, bà được thông báo đi trả tiền để chia tài sản nhà thuộc tài sản 49, là tài sản chung giữa bà và ông X, bà đã trả 261 đồng là ½ giá trị tài sản nhà của bà và ông X, ông X trả bao nhiêu bà không biết, hiện bà vẫn giữ phiếu thu ngân sách xã số 62. Vị trí nhà được chia nằm trên lô 132, 133 tờ bản đồ số 41. Sau khi chia nhà vào ngày 15/12/1980, bà sống tại căn nhà đó đến năm 1982, một phần do căn nhà hỏng không dùng được, một phần do ông X gây khó khăn, nên bà đã cùng hai con về Quảng Ysinh sống cho đến nay.

Thời điểm được giao và thanh lý nhà thuộc tài sản 49, trên diện tích đất đó không có tài sản gì do bà với ông X tạo lập lên, khi ông bà mua đất của nhà nước thì đã có cây ăn quả, cây tre, dùng ở trên phần diện tích ông Ch, ông N bà H hiện đang ở và có tranh chấp với ông X. Năm 1981, khi bà vẫn đang sinh sống trên đất được chia, bà không thấy ông X mua thêm nhà và bà cũng không thấy cạnh khu đất ông bà được chia có thêm căn nhà khác. Nếu xác định tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của bà và ông X, bà đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất của bà, nếu không phải là tài sản của bà và ông X, thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng:

* Ông Nguyễn Văn Học, sinh năm 1935, ông Vũ Minh S, sinh năm 1941 tại

biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2020 có lời khai:

Ông H và ông S đều sinh sống tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ từ năm 1980 cho đến nay. Cả hai ông đều biết ông X được cấp đất gần khu vực các ông đang sinh sống và đã bán đất cho người khác, hiện ông X không còn ở tại thôn 3, xã H L, còn ông Ch và anh N là hàng xóm của hai ông. Tại địa phương, các ông đều biết vợ chồng ông X được nhà nước giao đất 49, vị trí giao đất từ tiếp giáp với nhà ông Ch lên phía mặt đường 334, ông X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã bán hết cho người khác. Còn đất nhà ông Ch đang làm nhà cho con trai là anh Hùng ở, thì có nguồn gốc là đất của ông Hoàng Đạo K, ông K sinh sống ở đó từ năm 1980, đến năm 1989 thì theo con về quê sinh sống, không còn sinh sống ở đó nữa, thửa đất đó bị bỏ hoang, cây cối mọc um tùm. Từ năm 2000, gia đình ông Ch tiến hành phát cây, khai hoang lại khu vực đó và làm nhà ở ổn định cho đến nay.

Ông H và ông S cho biết, phía sau đất nhà ông X được cấp là khu vực lòng khe, phía dưới là một số thửa ruộng được UBND xã giao cho một số hộ gia đình để trồng lúa và màu, sau đó bị bỏ hoang. Từ khoảng năm 2002, gia đình anh N đã đến khu vực này cải tạo đất và sinh sống cho đến nay. Cả hai ông đều khẳng định ông X khởi kiện đòi đất là không đúng, vì không phải đất của ông X, khu đất nhà ông Ch sinh sống là đất Hợp tác xã Việt Thắng giao cho ông Hoàng Đạo K từ năm 1980. Ông Ch và anh N không lấn chiếm đất của ông X.

* Tại bản tự khai ngày 20/10/2020, bà Lưu Thị H khai:

Năm 2002, bà được phân thửa ruộng, vì dưới lòng khe mưa lũ chảy, sỏi đá vùi dập không gieo cấy được, chị H có bảo bà nhượng lại, bà có nói nếu như chị H về đề đạt với địa chính và xã đồng ý cho bà nhượng lại thì bà sẽ để lại cho chị H. sau đó chị H có bảo với bà là địa chính và xã đồng ý nên bà đã nhượng lại thửa ruộng cho chị H là đúng.

* Tại bản tự khai ngày 20/10/2020, chị Chu Thị S khai:

Ngày 20/8/2002 (âm lịch) chị có bán cho chị Mạc Thị H, sinh năm 1972, trú tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ, 02 thửa ruộng tổng diện tích là 505m^2, do hai thửa ruộng trên đất cát sỏi, chuột bọ, trâu bò phá phách nhiều, vợ chồng sức khỏe yếu, nên vợ chồng anh chị không quản lý, canh tác được nên đã chuyển nhượng cho chị Mạc Thị H. Từ khi gia đình chị quản lý, sử dụng 02 thửa ruộng nêu trên, đến khi bán cho chị H không có tranh chấp gì.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2021, ông Đỗ Đức D, sinh năm 1945 khai:

Từ năm 1978, ông làm phó chủ tịch UBND xã H L, trưởng Công an xã kiêm phó ban hóa giá tài sản 49 trên địa bàn. Khi ông làm phó ban hóa giá tài sản 49, ông có cùng với đoàn hóa giá đến nhà ông X, bà K đang ở để thực hiện việc hóa giá tài sản cho gia đình ông X. Về phần đất được giao, ông nhớ không giao cụ thể mét vuông và cắm mốc, trên đất có cây ăn quả lâu năm (trong thổ đất) đến đâu thì giao đến đó và tính thành tiền đưa vào biên bản hóa giá tài sản 49 để trả cho nhà nước, bản thân ông không nhớ có bao nhiêu cây và vị trí cây ở đâu. Ông cũng biết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 41, nơi anh Vi Thành N đang sinh sống, trước kia hoàn toàn nằm trong lòng khe nước, không liên quan gì đến đất 49 ông Đỗ Trọng X được giao. Còn thửa đất tại số 135, tờ bản đồ số 41, gia đình ông Nguyễn Văn Ch đang sinh sống có thể là đất 49. Ông được biết ông Hoàng Đạo K, là thủ kho của Hợp tác xã Việt Thắng từ năm 1980, ông K có ở tại vị trí gia đình ông Ch đang ở và đang bị tranh chấp, còn ông K ở từ thời gian nào thì ông không nhớ rõ, ông chỉ nhớ khoảng năm 1989 – 1990, ông K đi ở chỗ khác, không còn ở tại địa phương.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2020 có nội dung:

* Đối với thửa đất đang tranh chấp do ông Nguyễn Văn Ch và gia đình đang sử dụng:

Vị trí thửa đất: Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 41; Diện tích 360m^2, tại: thôn 3, xã H L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Phía Đông giáp đất anh Vi Thành N; phía Tây giáp đường bê tông rộng khoảng 2,5m; phía Nam giáp đất bà L , ông Công; phía Bắc giáp đất ông X;

Tài sản trên đất:

- 01 nhà cấp 4 rộng 48,2m^2, kết cấu xây bằng gạch xi măng, mái lợp tôn, xây năm 2012 (bao gồm cả bếp và công trình phụ), do ông Nguyễn Văn Ch và gia đình xây, hiện tại anh Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị M đang sinh sống.

- Cạnh nhà phía Tây có: 05 cây đào đường kính gốc khoảng 7 – 8cm; 05 cây đào nhỏ; 03 cây chuối đang ra buồng; 05 luống đất trồng rau cải; phía Nam có 01 đường vào nhà làm bằng bê tông, rộng 80cm, dài khoảng 10m, tiếp giáp là sân láng xi măng rộng khoảng 15m^2, có 01 cây đào nhỏ cao khoảng 1,5m, 01 cây mít nhỏ cao khoảng 1,5m, 01 cây bòng nhỏ, 01 cây hồng xiêm nhỏ cao khoảng 1,5m, 01 cây hồng

xiêm cao khoảng 3m; tiếp giáp với đất bà L là một hàng rào bằng cây đinh lăng; phía trước của nhà có 01 cây hồng xiêm nhỏ cao khoảng 2m, 01 cây vú sữa tán rộng 3m; cạnh sân phía Đông có 01 cây đào, đường kính gốc khoảng 8cm, 02 cây táo ta đường kính gốc khoảng 8cm, 01 cây sấu tán khoảng 3m, 01 cây vối cao khoảng 6m. Toàn bộ tài sản xem xét, thẩm định tại chỗ là tài sản của ông Ch, bà Liệu, anh Hùng, chị Mùi. Ông Đỗ Trọng X không có tài sản nào trên đất được xem xét, thẩm định tại chỗ.

* Đối với thửa đất đang tranh chấp do anh Vi Thành N, chị Phùng Thị Hđang sử dụng:

Vị trí thửa đất: Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 41; Diện tích 1.813,8m^2, tại: thôn 3, xã H L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Phía Đông giáp mương nước UBND xã quản lý; phía Tây giáp đất ông Ch, bà L ; phía Nam giáp ruộng ông Ngọc, ông Công; phía Bắc giáp đất ông X;

*** Tài sản trên đất:**

Nhà trên đất: 01 nhà cấp 3 (hai tầng) diện tích một sàn 68m^2, kết cấu khung bê tông, gạch chịu lực, mái bê tông, xây dựng năm 2013. Phía trước nhà là công trình phụ diện tích 7m^2, xây bằng gạch chịu lực, mái đổ bê tông. Sân có mái che bằng tôn, diện tích 27m^2, kết cấu có cột, xương bằng ống kẽm.

Cây trên đất:

- Phía sau nhà: 05 cây Xn đường kính gốc từ 20 – 30cm; 15 cây Xn nhỡ đường kính gốc khoảng 10cm; 01 bụi dùng khoảng 30 cây; 01 cây nhãn tán khoảng 4m; 04 cây mít con (Mít giống); 02 cây mít cao 3m; 01 cây me tán 3m; 01 cây chay tán 3m.

- Phía trước nhà: 01 cây dừa cao 5m; 01 cây mít cao 3m; 01 cây quất hồng bì; 02 cây chanh nhỏ cao khoảng 1,5m; trước nhà là sân khoảng 20m^2, tiếp giáp sân là khu vườn diện tích khoảng 30m^2, tiếp giáp vườn phía trước là ao cạn, giữa vườn và ao là kè đá dài 15m, cao 1,5m, theo báo cáo của anh N , kè có móng rộng nhất là 1m, ở giữa kè có 01 ô vuông thoát nước; ao không tiếp giáp với mương nước do UBND xã quản lý.

Toàn bộ tài sản xem xét, thẩm định tại chỗ là tài sản của anh N , chị Mùi. Ông Đỗ Trọng X không có tài sản nào trên đất được xem xét, thẩm định tại chỗ.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện V Đ đã tuyên xử:

Căn cứ: khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng X khởi kiện yêu cầu:

- Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch (gồm cả bà Liệu, anh Hùng, chị Mùi) phải tháo dỡ công trình xây trên đất để trả lại diện tích 365,85 m^2 đất (kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 360 m^2 tại thửa đất số 135 tờ bản đồ số 41) cho ông X tại: thôn 3, xã H L huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Buộc hộ gia đình ông Vi Thành N và bà Phùng Thị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, trả lại diện tích 1.126,75m^2 đất (kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 1,813,8 m^2 tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 41) cho ông X tại: thôn 3, xã H L huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về miễn án phí sơ thẩm cho ông Đỗ Trọng X, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2021 ông Đỗ Trọng X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X. Buộc ông Nguyễn Văn Ch và ông Vy Văn N phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất, trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất ông Ch và ông N đang chiếm hữu trái pháp luật cho ông X.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Đỗ Trọng X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Trọng X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của ông Đỗ Trọng X được thực hiện trong thời hạn luật định; nội dung kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Đỗ Trọng X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập tại cấp sơ thẩm thể hiện:

- Năm 1978, ông Đỗ Trọng X và vợ là bà Nguyễn Thị K từ Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Y), tỉnh Quảng Ninh ra xã H L huyện V Đxây dựng kinh tế mới. Năm 1980 ông Đỗ Trọng X và bà Nguyễn Thị K được mua nhà thanh lý theo chỉ thị số 49 - CT/UB ngày 01/11/1979 của UBND tỉnh Quảng Ninh, tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ. Theo sơ đồ đất thuộc tài sản 49 (Nhà nước cấp năm 1978 chuyển vùng) ngày 18/10/1996 (BL 257), có ghi rõ "**Đất 49 Đỗ Văn X – 975m^2**" có chiều dài là 39m, chiều rộng là 25m, tổng diện tích 975m^2. Ngày 11/10/1980 ông X, bà K ly hôn và đã phân chia tài sản chung vợ chồng mỗi người được quyền sử dụng ½ tài sản nhà đất đã mua thanh lý theo chỉ thị 49. Bà K đã nộp 261 đồng, trả tiền nhà thuộc tài sản 49 theo biên lai số 62 ngày 15/12/1980; ông X đã nộp 1.400 đồng, trả tiền nhà thuộc tài sản 49 theo biên lai số 196 ngày 30/12/1981. Sau khi ly hôn, năm 1982, bà K đã chuyển về quê tại Yên Hưng, Quảng Ninh, sinh sống cho đến nay. Năm 1993 ông X chuyển đi nơi khác ở (theo ông X khai là đi làm kinh tế). Đến năm 1996 ông X phát hiện diện tích đất ông X đã mua thanh lý nêu trên bị ông Chung Thế H lấn chiếm. Ông X đã khởi kiện ông H để đòi lại đất, tháng 10/1996 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên buộc ông H phải trả lại đất cho ông X. Đến năm 2001 ông H trả lại đất cho ông X. Năm 2002 ông X làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 08/02/2002 ông X được UBND huyện V Đ cấp giấy CNQSDĐ số 771 với diện tích 1.225m^2 đất. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông X đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được cấp cho ông Trần Văn Lợi.

- Ông X cho rằng diện tích 365,85 m^2 đất gia đình ông Nguyễn Văn Ch đang sử dụng tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ; diện tích 1.126,75 m^2 đất gia đình anh Vi

Thành N đang sử dụng tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ; đều là do gia đình ông Ch và gia đình anh N lấn chiếm của ông X. Nhưng ông X không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông X có quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp trên.

- Ông Nguyễn Văn Ch khai diện tích đất gia đình ông đang sử dụng hiện nay tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ có nguồn gốc do gia đình ông khai phá từ tháng 02/2000. Theo những người dân sống lâu năm ở thôn 3, xã H L nói thì đất gia đình ông đang sử dụng trước đấy là của ông Hoàng Đạo K được Nhà nước cấp cho năm 1980. Ông K đã làm nhà và sinh sống trên đất được cấp khoảng hơn 10 năm thì chuyển gia đình đi nơi khác.

- Anh Vi Thành N khai năm 1997 anh cùng vợ là chị Phùng Thị H và gia đình từ huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh chuyển đến cư trú tại thôn 3, xã H L, huyện V Đ. Do thời điểm anh chị chưa nhập được hộ khẩu tại huyện V Đ, nên năm 2002 anh chị có nhờ em dâu là Mạc Thị H, lúc đó là giáo viên trường tiểu học xã H L, vì em dâu có hộ khẩu tại V Đ, để Hồng đến mua ruộng canh tác của của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Chu Thị S trú tại thôn 3, xã H L, hộ bà Nguyễn Thị K tại thôn 1, xã H L và bà Lưu Thị H tại thôn 1, xã H L.

- Bà Nguyễn Thị K khai tài sản chung của vợ chồng bà ở thôn 3, xã H L có nhà đất được giao thanh lý theo chỉ thị 49. Ngày 11/10/1980 bà và ông X ly hôn, bà K được Tòa án chia cho quyền sử dụng ½ nhà đất được giao. Sau khi ly hôn bà vẫn ở nhà được Tòa án chia, nhưng ông X gây khó khăn nên bà phải bỏ về quê ở Liên Hòa, Yên Hưng, Quảng Ninh, sau đó bà chuyển ra xã S K, thị xã Quảng Y, tỉnh Quảng Ninh, sinh sống cho đến nay.

- Tại bản án dân sự phúc thẩm số 51 ngày 26/10/1996 của TAND tỉnh Quảng Ninh (BL 422-427), ghi: "*Năm 1978 ông Đỗ Trọng X cùng vợ là Vũ Thị K từ huyện Yên Hưng ra xã H L, huyện V Đxây dựng kinh tế mới. Năm 1980 được Nhà nước bán cho 01 ngôi nhà cấp 4 xây gạch đất 4 gian và một số công trình phụ trên diện tích đất 980m^2. Đến năm 1991 ông X và bà K được TAND huyện V Đ xử cho ly hôn và đã chia cho mỗi người được quyền sở hữu ½ số tài sản, nhưng sau đó bà K đã bán lại cho ông X, nên toàn bộ số tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông X"*.

- Theo sơ đồ đất thuộc tài sản 49 của UBND lập ngày 18/10/1996 (BL 257), thì diện tích đất vợ chồng ông X mua thanh lý năm 1980 là 975m^2, có chiều dài là 39m, chiều rộng là 25m.

- UBND xã H L xác định phần đất khu vực phía sau nhà ông Đỗ Trọng X, bà

Nguyễn Thị K mua thanh lý là tài sản do người Hvề nước để lại theo chỉ thị 49 của UBND tỉnh, được HTX phân cho 06 hộ xã viên gồm: hộ ông Hoàng Đạo K; hộ ông Nguyễn Đình Phúc; hộ bà Phạm Thị T; hộ ông Bùi Văn T; hộ bà Bùi Thị L ; hộ ông Nguyễn Tất T, đến khoảng 1985-1990 do không quen với tập quán canh tác và nghèo đói nên một số hộ bỏ về quê cũ hoặc trốn đi nước ngoài. Khu vực đất này chỉ còn lại nhà bà Bùi Thị L, số đất HTX cấp cho 05 hộ trước đó bỏ hoang. Năm 2000 hộ ông Nguyễn Văn Ch phát cây, dọn cỏ để trồng rau màu đến năm 2011 thì cho con trai là Nguyễn Văn H làm nhà. Năm 2001 hộ ông Vi Thành N phát cây, dọn cỏ để trồng rau màu đến năm 2003 làm 01 căn nhà tạm để ở và tiếp tục trồng rau màu, đến năm 2012 căn nhà tạm bị hư hỏng thì xây dựng nhà ở kiên cố cho đến nay.

- Người làm chứng: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1935, ông Vũ Minh S, sinh năm 1941 là những người dân sinh sống lâu năm gần khu vực đất có tranh chấp; ông Đỗ Đức D, sinh năm 1945, từ năm 1978, đã làm phó chủ tịch UBND xã H L, trưởng Công an xã kiêm phó ban hóa giá tài sản 49 trên địa bàn; đều có lời khai khẳng định về diện tích đất gia đình ông Ch đang sử dụng là đất Hợp tác xã Việt Thắng giao cho ông Hoàng Đạo K từ năm 1980. Đất gia đình anh Vi Thành N đang sử dụng trước kia hoàn toàn nằm trong lòng khe nước, có một số ruộng trồng lúa và màu, do UBND xã quản lý, không liên quan gì đến đất 49 ông Đỗ Trọng X được giao.

- Người làm chứng: ông Đỗ Hồng Q, ông Vũ Đình T là những người dân sinh sống lâu năm trên địa bàn, ông Nghiêm Xuân L là thôn trưởng thôn 3, khai: trước kia ranh giới giữa các Hợp tác xã được tỉnh huyện phân chia rõ ràng, sau đó HTX mới phân chia cho các hộ xã viên. Tại thời điểm phân đất lúc đó, bên phía sau nhà bà K là đất của ông K, ông P, ông T, bà T, bà L và ông T. Ranh giới thửa đất gia đình ông X, bà K nhận thanh lý theo chỉ thị 49 của UBND tỉnh Quảng Ninh chỉ nằm trong khuôn viên đã có tường bao như hiện nay, gồm hai thửa đất số 132 + 133 tờ bản đồ số 41. Thửa đất ông Ch xây nhà cho con là anh Hùng ở, chính là thửa đất trước kia của ông Hoàng Đạo K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Mạc Thị H khai năm 2002 chị H có đứng tên mua hộ vợ chồng anh N, chị H 03 thửa ruộng của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q - chị Chu Thị S, và của bà Lưu Thị H. 03 thửa ruộng trên liền kề nhau và có diện tích khoảng 1000m^2 tại khu vực khe cạn (thường gọi khe ông Út). Lý do chị H đứng ra mua ruộng đất hộ vợ chồng anh N chị H, vì khi đó vợ chồng anh N chị H chưa có hộ khẩu ở V Đ.

- Người làm chứng chị Chu Thị S, bà Lưu Thị H đều khai nhận: năm 2002 chị Chu Thị S có bán cho chị Mạc Thị H 02 thửa ruộng, bà Lưu Thị H có bán cho chị Mạc Thị H 01 thửa ruộng đều ở dưới lòng khe.

Căn cứ tài liệu chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở kết luận ông X không có quyền sử dụng diện tích 365,85 m^2 đất tại thửa đất số 135 tờ bản đồ số 41 do gia đình ông Nguyễn Văn Ch đang quản lý sử dụng tại thôn 3, xã H L huyện V Đ; ông X không có quyền sử dụng diện tích 1.126,75m^2 đất tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 41 do gia đình anh Vi Thành N đang quản lý sử dụng tại thôn 3, xã H L huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh. Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của TAND huyện V Đ xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng X là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Đỗ Trọng X không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đỗ Trọng X không được chấp nhận. Nhưng do ông X là người cao tuổi và tại phiên tòa phúc thẩm ông X có yêu cầu xin được miễn án phí phúc thẩm; vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, ông Đỗ Trọng X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Trọng X.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Áp dụng: khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố Tụng dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng X, khởi kiện yêu cầu:

- Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch (gồm cả bà Liệu, anh Hùng, chị Mùi) phải tháo dỡ công trình xây trên đất để trả lại diện tích 365,85 m^2 đất (kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 360 m^2 tại thửa đất số 135 tờ bản đồ số 41) cho ông X tại: Thôn 3, xã H L huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Buộc hộ gia đình ông Vi Thành N và bà Phùng Thị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, trả lại diện tích 1.126,75m^2 đất (kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 1,813,8 m^2 tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 41) cho ông X tại: Thôn 3, xã H L huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Đỗ Trọng X được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, không bị kháng cáo, kháng nghị; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND huyện V Đ.*
- *VKSND tỉnh QN.*
- *THADS huyện V Đ.*
- *Các đương sự.*
- *Luu HS - VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh